TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 18 tháng 5 năm 2023
V/v: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂNhuyện T, tỉnh B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: Nguyễn Ánh Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Anh Dũng.
2. Ông Đào Xuân Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Nam – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dânhuyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 2 năm 2023 về tranh chấp : "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-DS ngày 17/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/TB-TA ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Thân Văn T, sinh năm 1985 (Có mặt)
Cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B
* Bị đơn: Anh Dương Tùng L, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Cư trú: Thôn T, xã N,huyện T, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/2/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Thân Văn T trình bày:*

Ngày 04/10/2013 anh Dương Tùng L có vay của anh số tiền 30.000.000đồng tiền mặt. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay tiền là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Hẹn đến 04/11/2013 thì sẽ trả hết cả tiền gốc và tiền lãi. Anh đã đưa đủ 30.000.000đồng cho anh L. Anh Dương Tùng L là người viết và ký nhận giấy vay tiền ngày 04/10/2013 này. Đến ngày 04/11/2013 Dương lịch anh L không trả gốc và lãi. Anh đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh L không trả tiền gốc lãi đồng nào. Nay anh yêu cầu anh L trả anh số tiền 30.000.000đồng gốc và tiền lãi từ ngày 04/10/2013 dương lịch đến nay tính tròn là 09 năm 06 tháng với lãi suất

0,75%/tháng.

Số tiền anh cho anh L vay không liên quan tài sản chung vợ chồng, vợ anh là Nguyễn Thị P không tham gia giao dịch vay tiền này nên không đưa vợ anh tham gia tố tụng

* Bị đơn là anh Dương Tùng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Dương Tùng L không đến Tòa án để làm việc với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa, anh Dương Tùng L vắng mặt.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Dương Tùng L không có mặt để tham gia. Các đương sự không thống nhất việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, anh Dương Tùng L không chấp hành quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 3 Điều 144; Khoản 01 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của BLTTDS; Điều 463; khoản 01 Điều 466; khoản 01 Điều 470 BLDS; Khoản 2 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn T, buộc anh Dương Tùng L có nghĩa vụ trả anh Thân Văn T tổng số tiền là: 55.650.000đồng (Trong đó: 30.000.000đồng tiền nợ gốc và 25.650.000 đồng tiền nợ lãi).

2. Về án phí: Buộc anh Dương Tùng L phải chịu 2.782.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Dương Tùng L nhưng vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Quá trình giải quyết vụ án này thì các đương sự đã được tống đạt hợp lệ các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan việc thanh toán nợ, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Thân Văn T với anh Dương Tùng L và liên quan đến quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án nhưng anh Dương Tùng L không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên anh Dương Tùng L phải chịu hậu quả pháp lý.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nay anh Thân Văn T kiện đòi anh Dương Tùng L có trách nhiệm trả tổng khoản tiền vay gốc 30.000.000 đồng tại giấy biên nhận vay

tiền có ghi ngày 04/10/2013 dương lịch là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận miệng".

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Dương Tùng L ký nhận giấy vay tiền của anh Thân Văn T tại giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 04/10/2013 dương lịch (hẹn đến 04/11/2013 dương lịch trả nợ). Đến hẹn anh T đòi nợ anh L nhiều lần nhưng không trả nợ. Anh T không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo Điều 184 BLTTDS. Tòa án yêu cầu anh L cung cấp chứng cứ và đã triệu tập anh L nhiều lần nhưng anh L không cung cấp chứng cứ, không cung cấp bản tự khai và không đến Tòa án để làm việc nên thuộc trường hợp không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo Điều 184 BLTTDS. Đối chiếu với Điều 184 BLTTDS; Điều 155; Điều 429 BLDS thì thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 BLDS và vẫn tính khoản tiền lãi đối với khoản tiền gốc 30.000.000đồng đã vay.

[5] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 04/10/2013 dương lịch, có chữ viết, chữ ký của anh Dương Tùng L ở mục người vay tiền ký nhận vay tiền của bên cho vay tiền là anh Thân Văn T.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào chứng cứ là giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 04/10/2013 dương lịch với số tiền vay là 30.000.000đồng Nên xác định số tiền gốc mà anh L vay anh T ngày 04/10/2013 dương lịch là 30.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp lời khai của anh T là người cho vay.

Anh Dương Tùng L đã được Tòa án triệu tập và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh nhưng không đến làm việc và không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh liên quan đến việc vay nợ tiền này nên có cơ sở xác định anh L là người giao dịch và vay tổng số tiền gốc là 30.000.000đồng của anh T và anh L phải chịu hậu quả pháp lý do không cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn T. Buộc anh Dương Tùng L trả nợ anh Thân Văn T tổng số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có cơ sở như đại diện Viện kiểm sát và anh T đề nghị.

[7] Về lãi suất của số tiền vay gốc: Đến nay anh T, anh L không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 BLDS và vẫn tính khoản tiền lãi đối với tổng số tiền vay gốc 30.000.000đồng.

Đối với giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 04/10/2013 dương lịch thì anh T yêu cầu lãi suất 0,75%/tháng, kể từ ngày vay 04/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn thời gian trả lãi là 09 năm 06 tháng là thể hiện quyền tự định đoạt của đương sự, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội, cụ thể:

Số tiền vay gốc 30.000.000đồng (vay ngày 04/10/2013 dương lịch) x 0,75%/tháng x 09 năm 06 tháng (tính tròn đến ngày xét xử sơ thẩm) = 25.650.000 đồng (lãi yêu cầu anh L phải trả).

Ngoài ra, anh T, anh L không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất sau khi bản án có liệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Dương Tùng L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 155; Điều 194; Điều 429; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự; Điều 27; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn T.

2. Buộc anh Dương Tùng L có nghĩa vụ trả anh Thân Văn T tổng số tiền là: 55.650.000đồng (Trong đó: 30.000.000đồng tiền nợ gốc và 25.650.000 đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc anh Dương Tùng L phải chịu 2.782.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Thân Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho anh Thân Văn T 2.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0012097 ngày 27/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
-Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ánh Dương